

Bộ, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên

Cơ quan quản lý cấp trên: Tỉnh Thái Nguyên

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: UBND xã Văn Hán

Mã đơn vị: T55532

Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 04a-CK/TSC

**CÔNG KHAI VIỆC HÌNH THÀNH TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 112 /QĐ - UBND ngày 31/01/2026 của UBND xã Văn Hán)

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Đầu tư xây dựng, mua sắm		51		9.971.821,432				
1	Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp		5		8.585.290,200				
1.2	Nhà		2		8.451.291,000				
T55532001-205-232	Nhà văn hóa trung tâm xã và 4 phòng chức năng xã Khe Mo		1		3.823.918,000				
T55532003-204-84	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng		1		4.627.373,000				
1.3	Vật kiến trúc, Công trình xây dựng khác		3		133.999,200				
T55532000-301-107	Mái tôn nhà xe điểm Hòa Khê 1		1		18.064,200				
T55042008200-301-84	Sân gạch trung tâm		1		45.735,000	Mua sắm trực tiếp			
T55532000-304-105	Sân bê tông điểm trường Làng Hóa		1		70.200,000				
4	Máy móc, thiết bị		39		1.302.931,232				
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh		11		164.745,000				
T55532001-60101-353	Máy tính để bàn Đông Nam Á (mainboard H510M Core i3- 10105) - CA xã		1		10.000,000	Mua sắm trực tiếp			
T55532025003-60101-26	Máy tính để bàn		1		12.565,000	Mua sắm trực tiếp			

T55532001-60101-355	Máy tính để bàn Xigmatek XA-20, màn hình HKC21,5 - QS xã		1		12.750,000	Mua sắm trực tiếp			
T55532001-60101-354	Máy tính để bàn Đông Nam Á (mainboard H510M Core i3- 10105) - CA xã		1		10.000,000	Mua sắm trực tiếp			
T55532021-60101-4	Máy tính đồng bộ Đông Nam Á		1		11.750,000	Mua sắm trực tiếp			
T55532024-60102-158	Máy tính xách tay Dell màu bạc		1		20.000,000	Mua sắm trực tiếp			
T55532003-60102-90	Máy tính xách tay Dell Inspiron 15 3520		1	Máy tính xách tay Dell Inspiron 15 3520	14.500,000	Mua sắm trực tiếp			
T55532001-60102-326	Máy tính xách tay Dell màu bạc		1		19.990,000	Mua sắm trực tiếp			
T55532025003-60102-27	Máy tính xách tay		1		16.600,000	Mua sắm trực tiếp			
T55532025003-60102-28	Máy tính xách tay		1		16.600,000	Mua sắm trực tiếp			
T55532001-60102-319	Máy tính xách HP Gaming Victus 15inch		1		19.990,000	Mua sắm trực tiếp			
<b>4.2</b>	<b>Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung</b>		<b>7</b>		<b>449.350,400</b>				
T55532001-6020222-325	Màn hình Led P2.5 + loa mic		1	Model: KLS4C	320.758,400	Chỉ định thầu			
T55532001-6020216-323	Camera giám sát		1		18.000,000	Chỉ định thầu			
T55532001-60107-320	Điều hòa cây Funiki 50MMCI		1		37.672,800	Chỉ định thầu			
T55532001-60312-327	Máy scan HP Pro 3000S4		1		10.790,000	Mua sắm trực tiếp			
T55532001-60107-321	Điều hòa Funiki 18TMU ST3		1		12.982,600	Chỉ định thầu			
T55532001-60107-322	Điều hòa Funiki 18TMU ST3		1		12.982,600	Chỉ định thầu			
T55532001-60107-324	Điều hòa cây Media MFJJ 50CRN		1		36.164,000	Mua sắm trực tiếp			
<b>4.3</b>	<b>Máy móc, thiết bị chuyên dùng</b>		<b>21</b>		<b>688.835,832</b>				
T55532001-60301-329	Máy tính để bàn Xigmatek XA-20		1		11.550,000	Mua sắm trực tiếp			
T55532022-60337-26	Bàn quầy bằng gỗ có trụ kính + tủ phụ		1		92.885,832	Chỉ định thầu			
T55532021-60322-18	Cụm loa truyền thanh thông minh của xóm Ba Quả, xã Văn Hán		1		31.530,000	Chỉ định thầu			
T55532021-60322-9	Cụm loa truyền thanh thông minh của xóm Làng Cá, xã Văn Hán		1		31.530,000	Chỉ định thầu			
T55532021-60322-11	Cụm loa truyền thanh thông minh của xóm Phả Lý, xã Văn Hán		1		31.530,000	Chỉ định thầu			
T55532021-60322-13	Cụm loa truyền thanh thông minh của xóm La Đùm, xã Văn Hán		1		31.530,000	Chỉ định thầu			
T55532021-60322-8	Cụm loa truyền thanh thông minh của xóm Làng Hóa, xã Văn Hán		1		31.530,000	Chỉ định thầu			
T55532021-60322-12	Cụm loa truyền thanh thông minh của xóm Cầu Mai, xã Văn Hán		1		31.530,000	Chỉ định thầu			
T55532021-60322-19	Cụm loa truyền thanh thông minh của xóm La Đàn, xã Văn Hán		1		31.530,000	Chỉ định thầu			
T55532021-60322-23	Cụm loa truyền thanh thông minh của Trung tâm học tập cộng đồng xã Văn Hán		1		31.530,000	Chỉ định thầu			

T55532021-60322-17	Cụm loa truyền thanh thông minh của xóm Thịnh Lâm, xã Văn Hán		1		31.530,000	Chỉ định thầu			
T55532001-60301-330	Máy tính để bàn Xigmatek i350 200W		1		11.800,000	Mua sắm trực tiếp			
T55532001-60301-328	Máy tính để bàn Xigmatek XA-20		1		11.550,000	Mua sắm trực tiếp			
T55532023-60302-1	Máy tính xách tay Dell Core i5		1		18.150,000	Mua sắm trực tiếp			
T55532022-60306-25	Máy photocopy Konica Minolta Bizhub		1		69.950,000	Chỉ định thầu			
T55532021-60322-15	Cụm loa truyền thanh thông minh của xóm Thịnh Đức 1, xã Văn Hán		1		31.530,000	Chỉ định thầu			
T55532021-60322-6	Cụm loa truyền thanh thông minh của xóm Ấp Chè, xã Văn Hán		1		31.530,000	Chỉ định thầu			
T55532021-60322-20	Cụm loa truyền thanh thông minh của xóm Hòa Khê 1, xã Văn Hán		1		31.530,000	Chỉ định thầu			
T55532021-60322-14	Cụm loa truyền thanh thông minh của xóm Văn Hán, xã Văn Hán		1		31.530,000	Chỉ định thầu			
T55532021-60322-21	Cụm loa truyền thanh thông minh của xóm Hòa Khê 2, xã Văn Hán		1		31.530,000	Chỉ định thầu			
T55532021-60322-10	Cụm loa truyền thanh thông minh của xóm Văn Hòa, xã Văn Hán		1		31.530,000	Chỉ định thầu			
<b>8</b>	<b>Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)</b>		<b>7</b>		<b>83.600,000</b>				
T55532024-1204-159	Phần mềm kế toán Misa		1		11.000,000	Mua sắm trực tiếp			
T55532021-1204-24	Phần mềm kế toán Misa online		1		11.000,000	Mua sắm trực tiếp			
T55042008200-12-79	Phần mềm giải pháp tường lửa thông minh SafeGate school		1		14.300,000	Mua sắm trực tiếp			
T55532003-1204-99	Phần mềm bức tường lửa thông minh SafeGate School		1		14.300,000	Mua sắm trực tiếp			
T55532023-1204-7	Phần mềm kế toán HCSN MISA Mimosa Online		1		11.000,000	Mua sắm trực tiếp			
T55532001-1204-318	Phần mềm kế toán Misa Mimosa Online		1		11.000,000	Mua sắm trực tiếp			
T55532022-1204-28	Phần mềm kế toán Misa Mimosa Online		1		11.000,000	Mua sắm trực tiếp			
<b>II</b>	<b>Tài sản giao mới</b>		<b>283</b>		<b>165.731.818,617</b>				
<b>1</b>	<b>Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp</b>		<b>229</b>		<b>159.639.159,827</b>				
<b>1.1</b>	<b>Đất</b>		<b>18</b>		<b>23.528.946,000</b>				
T55042008042-10201-149	Đất diêm trường Cầu Mai		1		110.520,000				
T55532001-10203-66	Đất nhà văn hóa xóm Hòa Khê 2		1		113.987,000				
T55532001-10203-67	Đất nhà văn hóa xóm Văn Hòa		1		34.782,000				
T55532001-10203-68	Đất nhà văn hóa xóm Thịnh Đức 2		1		54.963,000				
T55532001-10203-69	Đất nhà văn hóa xóm Cầu Mai		1		134.695,000				
T55532001-10203-62	Đất nhà văn hóa xóm Thịnh Đức 1		1		29.233,000				
T55532001-10203-63	Đất nhà văn hóa xóm Thái Hưng		1		140.833,000				
T55532001-10203-64	Đất nhà văn hóa xóm Làng Cả		1		169.043,000				
T55532001-10203-65	Đất nhà văn hóa xóm Ấp Chè		1		189.280,000				
T55532001-10203-61	Đất nhà văn hóa xóm Hòa Khê 1		1		136.865,000				

T55532001-10203-60	Đất nhà văn hóa xóm Phả Lý		1		37.758,000			
T55532001-10203-55	Đất nhà văn hóa xóm Làng Hòa		1		391.933,000			
T55532001-10203-53	Đất nhà văn hóa xóm La Đùm		1		130.107,000			
T55532001-10203-58	Đất nhà văn hóa xóm Văn Hán		1		231.787,000			
T55532001-10209-352	Đất trạm kiểm lâm Khe Mo		1		94.520,000			
T55532001-10209-59	Đất chợ Văn Hán		1		5.802.440,000			
T55532001-101-57	Đất trụ sở		1		15.558.200,000			
T55532001-101-56	Đất trụ sở thuê cũ		1		168.000,000			
<b>1.2</b>	<b>Nhà</b>		<b>46</b>		<b>16.354.880,418</b>			
T55532001-204-181	Nhà Văn hóa trung tâm xã và 4 phòng chức năng		1		3.132.684,000			
T55532001-204-177	Trụ sở làm việc 2 tầng		1		2.903.889,000			
T55532001-204-89	Nhà một cửa, nhà hội trường UBND xã Văn Hán		1		1.928.013,000			
T55532001-205-348	Nhà bếp La Đàn		1		18.000,000			
T55532001-205-339	Nhà bếp + nhà vệ sinh A1		1		30.000,000			
T55532001-205-346	Nhà lớp học Cầu Mai		1		60.000,000			
T55532001-205-347	Nhà phòng học La Đùm A1		1		70.000,000			
T55532001-205-344	Nhà vệ sinh xóm Phả Lý		1		20.000,000			
T55532001-205-342	Nhà vệ sinh Cầu Mai		1		20.000,000			
T55532001-205-337	Nhà lớp học La Đàn		1		60.000,000			
T55532001-205-208	Nhà văn hóa xóm Làng Hòa		1		78.440,856			
T55532001-205-136	Nhà hội trường cấp 4		1		65.200,000			
T55532001-205-154	Xây dựng mái tôn sân nhà văn hóa xóm Làng Cà xã Văn Hán		1		221.783,110			
T55532001-205-204	Nhà làm việc đội thuế cũ		1		89.784,517			
T55532001-205-205	Nhà văn hóa xóm Hòa Khê 2		1		111.355,374			
T55532001-205-150	Nhà Văn Hóa xóm Làng Cà		1		92.581,164			
T55532001-205-157	Xây dựng mái tôn sân nhà văn hóa xóm Hòa Khê 1 xã Văn Hán		1		173.871,926			
T55532001-205-173	Xây dựng mái tôn sân nhà văn hóa xóm Áp Chè xã Văn Hán		1		127.390,661			
T55532001-205-174	Nhà Văn hóa xóm La Đùm		1		430.174,000			
T55532001-205-84	Nhà văn hóa xóm Ba Quả		1		10.915,000			
T55532001-205-70	Xây dựng mái tôn sân nhà văn hóa xóm La Đàn xã Văn Hán		1		150.852,451			
T55532001-205-73	Nhà Văn Hóa xóm Áp Chè		1		83.384,522			
T55532001-205-80	Nhà văn hóa xóm Hòa Khê 1		1		433.857,000			
T55532001-205-94	Nhà văn hóa xóm Thịnh Đức 2		1		64.425,530			
T55532001-205-101	Cải tạo, nâng cấp đường bê tông, sân công, kê đá hàng rào trụ sở UBND xã		1		1.046.915,000			

T55532001-205-116	Xây dựng mái tôn sân nhà văn hóa xóm Ba Quả xã Văn Hán		1		113.349,389				
T55532001-205-127	Nhà Văn hóa xóm Văn Hán		1		43.595,994				
T55532001-205-129	Xây dựng mái tôn sân nhà văn hóa xóm Văn Hán xã Văn Hán		1		209.195,092				
T55532001-205-192	Nhà Văn Hóa xóm La Đàn		1		46.934,628				
T55532001-205-180	Xây dựng mái tôn sân nhà văn hóa xóm La Đùm xã Văn Hán		1		69.217,418				
T55532001-205-165	Nhà làm việc cấp 4		1		52.000,000				
T55532001-205-184	Xây dựng mái tôn sân nhà văn hóa xóm Cầu Mai xã Văn Hán		1		138.427,504				
T55532001-205-250	Nhà lớp học 2 phòng điểm trường La Đàn		1		11.678,000				
T55532001-205-244	Nhà lớp học xóm Ba Quả		1		134.000,000				
T55532001-205-245	Nhà phòng học 3 phòng điểm trường La Đàn		1		171.000,000				
T55532001-205-340	Nhà bếp xóm Phá Lý		1		18.000,000				
T55532024-205-103	Nhà làm việc Trạm Kiểm lâm Khe Mo		1		1.786.437,430				
T55532001-205-316	Nhà làm việc Trạm Kiểm lâm Khe Mo		1		1.786.437,430				
T55532001-205-341	Nhà phòng học Văn Hòa A3		1		70.000,000				
T55532001-205-349	Nhà vệ sinh C6		1		15.000,000				
T55532001-205-345	Nhà bếp + nhà vệ sinh A3		1		30.000,000				
T55532001-205-336	Nhà bếp Cầu Mai		1		18.000,000				
T55532001-205-197	Nhà văn hóa xóm Cầu Mai		1		102.251,422				
T55532001-205-338	Nhà lớp học mẫu giáo Phá Lý		1		90.000,000				
T55532001-205-343	Nhà vệ sinh La Đàn		1		20.000,000				
T55532001-205-246	Nhà vệ sinh điểm trường La Đàn		1		5.839,000				
<b>1.3</b>	<b>Vật kiến trúc, Công trình xây dựng khác</b>		<b>165</b>		<b>119.755.333,409</b>				
T55532001-303-351	Giếng khoan trạm kiểm lâm Khe Mo		1		18.000,000				
T55532001-304-108	Đường bê tông xóm Phá Lý, xã Văn Hán		1		383.879,959				
T55532001-304-113	Đường bê tông xóm Ấp Chè, xã Văn Hán		1		319.118,000				
T55532001-304-117	Đường bê tông xóm Phá Lý, xã Văn Hán (giai đoạn 1)		1		166.145,242				
T55532001-304-130	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ xóm Hòa Khê 2 xã Văn Hán đi đập Đồng Chốc xã Nam Hòa		1		3.706.767,000				
T55532001-304-196	Xây kè khắc phục sạt lở mái taluy đường giao thông xóm Hòa Khê 2 xã Văn Hán		1		127.143,900				
T55532001-304-198	Đường bê tông xóm Ấp Chè		1		452.031,000				
T55532001-304-199	Đường bê tông xóm Văn Hán		1		783.684,000				
T55532001-304-200	Đường bê tông xóm Thịnh Đức 1 (giai đoạn 2), xã Văn Hán		1		211.816,818				

T55532001-304-201	Đường bê tông liên xóm Văn Hòa - Phá Lý		1		456.280,000			
T55532001-304-202	Đường bê tông xóm La Đàn, xã Văn Hán		1		166.145,242			
T55532001-304-203	Đường bê tông xóm La Đàn, xã Văn Hán		1		837.556,273			
T55532024-304-144	Đường bê tông xóm Hòa Khê 1		1		687.746,000			
T55532024-304-73	Đường bê tông xóm Hòa Khê 1 - Ba Quả, xã Văn Hán (giai đoạn 1)		1		387.134,756			
T55532001-304-141	Công trình chợ Văn Hán (Dãy kiot chợ và sân bê tông)		1		107.997,071			
T55532001-304-143	Đường giao thông Hòa Khê 1 - La Đàn xã Văn Hán, huyện Đông Hy		1		418.640,000			
T55532001-304-147	Đường bê tông xóm Làng Cà		1		112.310,000			
T55532001-304-138	Đường bê tông xóm Hòa Khê 1		1		168.465,000			
T55532001-304-139	Đường bê tông xóm Hòa Khê 1, xã Văn Hán		1		593.644,503			
T55532001-304-140	Đường bê tông xóm Thịnh Đức 1		1		258.250,000			
T55532024-304-84	Đường bê tông xóm Văn Hán		1		783.684,000			
T55532024-304-127	Đường bê tông xóm Văn Hòa, xã Văn Hán		1		333.853,642			
T55532024-304-118	Đường bê tông xóm Hòa Khê 1		1		168.465,000			
T55532001-304-152	Hàng rào trụ sắt mới		1		276.687,078			
T55532001-304-153	Đường bê tông xóm Ba Quả		1		258.250,000			
T55532001-304-206	Đường bê tông xóm Thịnh Đức 2		1		770.767,000			
T55532001-304-148	Đường bê tông xóm Làng Cà, xã Văn Hán		1		172.557,510			
T55532001-304-149	Đường bê tông xóm La Cùm		1		258.250,000			
T55532001-304-156	Đường bê tông xóm La Đàn (giai đoạn 2)		1		169.625,000			
T55532001-304-155	Đường bê tông xóm Văn Hán, xã Văn Hán		1		339.449,188			
T55532001-304-159	Đường bê tông xóm La Đùm, xã Văn Hán		1		207.368,000			
T55532001-304-160	Đường bê tông xóm Đoàn Lâm		1		253.772,000			
T55532001-304-158	Đường bê tông liên xóm Phá Lý - Khe Mo, xã Văn Hán		1		166.147,202			
T55532001-304-161	Đường bê tông xóm Làng Hòa		1		429.179,000			
T55532001-304-82	Đường bê tông liên xóm Làng Hòa - Khe Mo, xã Văn Hán (giai đoạn 1)		1		166.147,202			
T55532001-304-83	Đường bê tông liên xóm Cầu Mai - Thịnh Lâm, xã Văn Hán		1		339.449,188			
T55532001-304-176	Đường bê tông liên xóm Ba Quả - Thịnh Lâm, xã Văn Hán		1		515.282,672			
T55532001-304-81	Đường bê tông xóm Văn Hòa, xã Văn Hán		1		333.853,642			
T55532001-304-71	Đường bê tông xóm Hòa Khê 2, xã Văn Hán		1		795.674,622			
T55532001-304-72	Đường bê tông xóm Hòa Khê 1, xã Văn Hán		1		837.556,273			

T55532001-304-75	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Thịnh Đức 2 - Đoàn Lâm - Hòa Khê 2		1		5.342.640,000				
T55532001-304-77	Đường bê tông xóm Hòa Khê 1 - Ba Quả, xã Văn Hán (giai đoạn 1)		1		387.134,756				
T55532001-304-78	Đường bê tông xóm Làng Hòa, xã Văn Hán		1		488.574,493				
T55532001-304-79	Đường bê tông xóm Thịnh Lâm, xã Văn Hán		1		317.725,227				
T55532001-304-93	Đường bê tông xóm La Đùm (giai đoạn 2), xã Văn Hán		1		568.560,932				
T55532001-304-95	Đường bê tông xóm Thịnh Đức 1 (giai đoạn 1), xã Văn Hán		1		239.687,452				
T55532001-304-96	Đường bê tông xóm Ấp Chè, xã Văn Hán		1		278.706,339				
T55532001-304-104	Đường bê tông xóm La Đàn		1		975.571,000				
T55532001-304-207	Đường bê tông liên xóm phá Lý - Cầu Mai, xã Văn Hán		1		442.608,467				
T55532001-304-85	Đường bê tông liên xóm Làng Hòa - Khe Mo, xã Văn Hán		1		265.901,803				
T55532001-304-91	Đường bê tông liên xóm Hòa Khê 1 - Ba Quả, xã Văn Hán		1		396.024,053				
T55532001-304-90	Tuyến đường từ xóm Thịnh Đức 1 đi xóm La Đùm, xã Văn Hán		1		4.934.079,000				
T55532001-304-92	Đường bê tông xóm Văn Hán, xã Văn Hán		1		557.412,679				
T55532001-304-86	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Thịnh Đức 1 - La Đùm, xã Văn Hán		1		6.616.919,700				
T55532001-304-100	Đường bê tông xóm Văn Hòa		1		326.611,000				
T55532001-304-87	Đường bê tông xóm Phá Lý, xã Văn Hán		1		107.492,243				
T55532001-304-102	Đường bê tông liên xóm Làng Cà - La Đàn, xã Văn Hán		1		166.145,242				
T55532001-304-110	Đường bê tông xóm La Đùm		1		213.454,600				
T55532001-304-109	Đường bê tông xóm Cầu Mai, xã Văn Hán		1		628.167,205				
T55532001-304-111	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Phá Lý - Cầu Mai - La Đùm, xã Văn Hán		1		4.654.494,000				
T55532001-304-115	Đường bê tông xóm La Đùm, xã Văn Hán		1		167.223,804				
T55532001-304-114	Đường bê tông liên xóm Văn Hòa - Phá Lý, xã Văn Hán		1		76.376,067				
T55532024-304-80	Đường bê tông xóm Làng Hòa, xã Văn Hán		1		488.574,493				
T55532024-304-72	Đường bê tông xóm Thịnh Đức 2		1		770.767,000				
T55532024-304-93	Đường bê tông xóm Ấp Chè, xã Văn Hán		1		278.706,339				
T55532001-304-119	Đường bê tông xóm Thái Hưng		1		372.190,000				

T55532001-304-118	Đường bê tông liên xóm Thịnh Lâm - Thịnh Đức 1, xã Văn Hán		1		221.520,323				
T55532001-304-120	Đường bê tông xóm Làng Hòa		1		56.155,000				
T55532001-304-122	Đường bê tông liên xóm Phá Lý - Làng Cà, xã Văn Hán		1		166.145,242				
T55532001-304-128	Đường bê tông xóm Văn Hán, xã Văn Hán		1		313.210,000				
T55532024-304-79	Đường bê tông xóm Thịnh Lâm, xã Văn Hán		1		293.347,767				
T55532024-304-99	Đường bê tông xóm Văn Hán, xã Văn Hán		1		557.412,679				
T55532024-304-139	Đường bê tông xóm Văn Hán, xã Văn Hán		1		339.449,188				
T55532024-304-119	Đường bê tông xóm Văn Hán, xã Văn Hán		1		313.210,000				
T55532001-304-123	Đường bê tông xóm Thịnh Đức 1, xã Văn Hán		1		276.912,004				
T55532001-304-125	Đường bê tông liên xóm Hòa Khê 2 - Hòa Khê 1, xã Văn Hán		1		437.672,786				
T55532001-304-126	Đường bê tông xóm Hòa Khê 2		1		318.034,000				
T55532024-304-123	Đường bê tông liên xóm Thịnh Lâm - Thịnh Đức 1, xã Văn Hán		1		221.520,323				
T55532001-304-168	Hàng rào		1		65.200,000				
T55532001-304-171	Đường bê tông xóm Ấp Chè		1		84.232,000				
T55532001-304-172	Đường bê tông xóm Làng Cà, xã Văn Hán		1		208.694,000				
T55532001-304-190	Đường bê tông xóm Làng Hòa, xã Văn Hán		1		334.447,607				
T55532001-304-191	Đường bê tông xóm Phá Lý, xã Văn Hán		1		158.977,835				
T55532001-304-131	Đường bê tông xóm Thịnh Đức 1 (giai đoạn 3), xã Văn Hán		1		222.965,072				
T55532001-304-132	Đường bê tông xóm Làng Cà, xã Văn Hán		1		295.428,720				
T55532001-304-133	Đường bê tông xóm Hòa Khê 2		1		770.767,000				
T55532001-304-134	Đường bê tông xóm Hòa Khê 1		1		687.746,000				
T55532001-304-162	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ xóm Mỹ Lập xã Nam Hòa đi xóm La Đàn xã Văn Hán		1		567.998,800				
T55532001-304-179	Xây dựng công qua đường giao thông khắc phục do thiên tai tại xóm Hòa Khê 2		1		878.690,700				
T55532001-304-163	Đường bê tông liên xóm Cầu Mai - La Đùm, xã Văn Hán		1		193.570,993				
T55532001-304-164	Đường bê tông xóm Văn Hòa, xã Văn Hán		1		157.236,826				
T55532001-304-167	Đường bê tông liên xóm Làng Cà - Ba Quả - Văn Hòa (giai đoạn 2)		1		1.197.873,000				

T55532001-304-178	Đường bê tông liên xóm Ba Quả - La Đàn, xã Văn Hán		1		226.299,459			
T55532001-304-183	Đường bê tông liên xóm Hòa Khê 1 - La Đàn, xã Văn Hán		1		282.874,324			
T55532001-304-185	Đường bê tông xóm Ba Quả, xã Văn Hán		1		172.557,510			
T55532001-304-187	Cải tạo nâng cấp tuyến đường xóm Thịnh Lâm đi xóm Cầu Mai, xã Văn Hán, huyện Đông Hy		1		1.550.396,500			
T55532001-304-188	Đường bê tông xóm Thịnh Đức 1		1		357.146,000			
T55532001-304-195	Đường bê tông xóm Thịnh Lâm, xã Văn Hán		1		293.347,767			
T55532001-304-193	Cải tạo, nâng cấp tuyến phá lý xã Văn Hán đi xóm Thống nhất xã Khe Mo		1		4.852.301,000			
T55532024-304-140	Đường bê tông liên xóm Phá Lý - Làng Cà, xã Văn Hán		1		166.145,242			
T55532024-304-132	Đường bê tông xóm Ấp Chè		1		84.232,000			
T55532024-304-143	Đường bê tông xóm Làng Hòa		1		429.179,000			
T55532024-304-104	Đường bê tông xóm Thịnh Đức 1		1		258.250,000			
T55532024-304-87	Đường bê tông xóm Văn Hòa		1		326.611,000			
T55532024-304-114	Đường bê tông xóm La Đàn		1		975.571,000			
T55532024-304-112	Đường bê tông xóm La Đùm, xã Văn Hán		1		207.368,000			
T55532024-304-112	Đường bê tông xóm La Đùm, xã Văn Hán		1		167.223,804			
T55532024-304-67	Đường bê tông xóm Hòa Khê 1, xã Văn Hán		1		837.556,273			
T55532024-304-71	Đường bê tông xóm La Đàn, xã Văn Hán		1		166.145,242			
T55532024-304-133	Đường bê tông xóm Đoàn Lâm		1		253.772,000			
T55532024-304-136	Đường bê tông xóm Hòa Khê 2		1		770.767,000			
T55532024-304-68	Đường bê tông xóm Hòa Khê 2, xã Văn Hán		1		795.674,622			
T55532024-304-85	Đường bê tông xóm La Đàn, xã Văn Hán		1		837.556,273			
T55532024-304-78	Đường bê tông liên xóm phá Lý - Cầu Mai, xã Văn Hán		1		442.608,467			
T55532024-304-109	Đường bê tông liên xóm Làng Cà - La Đàn, xã Văn Hán		1		166.145,242			
T55532024-304-113	Đường bê tông liên xóm Phá Lý - Khe Mo, xã Văn Hán		1		166.145,242			
T55532001-304-248	Mái tôn liên doanh điểm trường La Đàn		1		150.000,000			
T55532024-304-111	Đường bê tông xóm Làng Hòa		1		56.155,000			
T55532024-304-129	Đường bê tông liên xóm Ba Quả - La Đàn, xã Văn Hán		1		226.299,459			
T55532024-304-130	Đường bê tông liên xóm Ba Quả - Thịnh Lâm, xã Văn Hán		1		515.282,672			

T55532024-304-147	Đường bê tông liên xóm Cầu Mai - La Đùm, xã Văn Hán		1		193.570,993				
T55532024-304-81	Đường bê tông xóm Thịnh Đức 1		1		357.146,000				
T55532024-304-88	Đường bê tông xóm Làng Cà, xã Văn Hán		1		295.428,720				
T55532024-304-100	Đường bê tông xóm Thịnh Đức 1 (giai đoạn 1), xã Văn Hán		1		239.687,452				
T55532024-304-69	Đường bê tông xóm Thịnh Đức 1 (giai đoạn 2), xã Văn Hán		1		211.816,818				
T55532024-304-131	Đường bê tông xóm Làng Cà, xã Văn Hán		1		208.694,000				
T55532024-304-154	Trạm bơm điện và kênh mương xóm Đèo Khế, xã Khe Mo		1		2.052.129,000				
T55532024-304-128	Đường bê tông xóm Thịnh Lâm, xã Văn Hán		1		317.725,227				
T55532024-304-124	Đường bê tông xóm Phả Lý, xã Văn Hán (giai đoạn 1)		1		166.145,242				
T55532024-304-120	Đường bê tông xóm Thịnh Đức 1, xã Văn Hán		1		276.912,004				
T55532024-304-89	Đường bê tông liên xóm Làng Hòa - Khe Mo, xã Văn Hán		1		265.901,803				
T55532024-304-76	Cải tạo nâng cấp tuyến đường xóm Thịnh Lâm đi xóm Cầu Mai, xã Văn Hán, huyện Đông Hồ		1		1.550.396,500				
T55532024-304-94	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ xóm Hòa Khê 2 xã Văn Hán đi đập Đổng Chốc xã Nam Hòa		1		3.706.767,000				
T55532024-304-126	Đường bê tông xóm Phả Lý, xã Văn Hán		1		383.879,959				
T55532024-304-95	Đường bê tông xóm Hòa Khê 1, xã Văn Hán		1		593.644,503				
T55532024-304-125	Đường bê tông xóm Ấp Chè, xã Văn Hán		1		319.118,000				
T55532024-304-115	Đường bê tông xóm Làng Cà, xã Văn Hán		1		172.557,510				
T55532024-304-105	Đường bê tông xóm Thịnh Đức 1 (giai đoạn 3), xã Văn Hán		1		222.965,072				
T55532024-304-137	Đường bê tông xóm Hòa Khê 2		1		318.034,000				
T55532024-304-108	Đường bê tông xóm La Đùm		1		213.454,600				
T55532024-304-74	Xây kè khắc phục sụt lở mái taluy đường giao thông xóm Hòa Khê 2 xã Văn Hán		1		127.143,900				

T55532024-304-146	Xây dựng công qua đường giao thông khắc phục do thiên tai tại xóm Hòa Khê 2		1		878.690,700			
T55532024-304-135	Đường giao thông Hòa Khê 1 - La Đàn xã Văn Hán, huyện Đông Hy		1		418.640,000			
T55532024-304-96	Đường bê tông liên xóm Cầu Mai - Thịnh Lâm, xã Văn Hán		1		339.449,188			
T55532024-304-106	Đường bê tông liên xóm Hòa Khê 2 - Hòa Khê 1, xã Văn Hán		1		437.672,786			
T55532024-304-75	Cải tạo, nâng cấp tuyến phố lý xã Văn Hán đi xóm Thống nhất xã Khe Mo		1		4.852.301,000			
T55532024-304-102	Đường bê tông liên xóm Văn Hòa - Phả Lý, xã Văn Hán		1		76.376,067			
T55532024-304-66	Đường bê tông xóm Làng Hóa, xã Văn Hán		1		334.447,607			
T55532024-304-70	Đường bê tông xóm Phả Lý, xã Văn Hán		1		158.977,835			
T55532024-304-90	Đường bê tông xóm Phả Lý, xã Văn Hán		1		107.492,243			
T55532024-304-83	Đường bê tông xóm Ấp Chè		1		452.031,000			
T55532024-304-107	Đường bê tông xóm Thái Hưng		1		372.190,000			
T55532024-304-145	Đường bê tông liên xóm Hòa Khê 1 - La Đàn, xã Văn Hán		1		282.874,324			
T55532024-304-97	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Thịnh Đức 1 - La Đùm, xã Văn Hán		1		6.616.919,700			
T55532024-304-82	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Thịnh Đức 2 - Đoàn Lâm - Hòa Khê 2		1		5.342.640,000			
T55532024-304-110	Đường bê tông xóm Ba Quả		1		258.250,000			
T55532024-304-77	Đường bê tông liên xóm Văn Hòa - Phả Lý		1		456.280,000			
T55532024-304-91	Đường bê tông liên xóm Hòa Khê 1 - Ba Quả, xã Văn Hán		1		396.024,053			
T55532024-304-148	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ xóm Mỹ Lập xã Nam Hòa đi xóm La Đàn xã Văn Hán		1		567.998,800			
T55532024-304-98	Tuyến đường từ xóm Thịnh Đức 1 đi xóm La Đùm, xã Văn Hán		1		4.934.079,000			
T55532024-304-113	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Phả Lý - Cầu Mai - La Đùm, xã Văn Hán		1		4.654.494,000			
T55532024-304-141	Đường bê tông liên xóm Làng Cà - Ba Quả - Văn Hòa (giai đoạn 2)		1		1.197.873,000			
T55532024-304-142	Đường bê tông xóm Văn Hòa, xã Văn Hán		1		157.236,826			
T55532024-304-92	Đường bê tông xóm La Đùm (giai đoạn 2), xã Văn Hán		1		568.560,932			
T55532024-304-101	Đường bê tông xóm Cầu Mai, xã Văn Hán		1		628.167,205			
<b>2</b>	<b>Xe ô tô</b>		<b>1</b>		<b>815.796,000</b>			
<b>2.2</b>	<b>Xe ô tô phục vụ công tác chung</b>		<b>1</b>		<b>815.796,000</b>			
T55532025003-40201-7	TOYOTA-20B-3699		1	TOYOTA	815.796,000			
<b>4</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>		<b>49</b>		<b>1.071.862,790</b>			
<b>4.1</b>	<b>Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh</b>		<b>34</b>		<b>622.423,790</b>			

T55532001-60101-293	Máy tính đồng bộ CMS X-Media X938- 666TN		1		13.740,000			
T55532025003-60101-24	Máy tính		1		12.500,000			
T55532001-60101-289	Máy vi tính để bàn		1		13.740,000			
T55532001-60101-303	Máy vi tính để bàn CMS		1		12.500,000			
T55532001-60101-310	Máy vi tính để bàn CMS		1		12.500,000			
T55532025003-60101-19	Máy tính		1		13.843,095			
T55532025003-60102-15	Máy tính bảng		1		22.550,000			
T55532025003-60102-14	Máy tính bảng		1		22.550,000			
T55532025003-60102-29	Máy tính bảng		1		22.550,000			
T55532021-60102-2	Máy tính HP (modem S01 - pF2034d)		1		14.730,000			
T55532025003-60102-13	Máy tính bảng		1		22.550,000			
T55532025003-60102-9	Máy tính bảng Samsung Galaxy Tab S9		1		23.430,000			
T55532025003-60102-16	Máy tính bảng		1		22.550,000			
T55532001-60102-317	Máy tính xách tay Dell màu đen (CVP)		1		13.250,000			
T55532025003-60102-10	Máy tính bảng Samsung Galaxy Tab S9		1		23.430,000			
T55532025003-60102-11	Máy tính bảng Samsung Galaxy Tab S9		1		23.430,000			
T55532025003-60102-22	Máy tính ACER XC 600		1		12.100,000			
T55532025003-60102-20	Máy tính xách tay Dell Inspirion		1		15.000,000			
T55532025003-60102-12	Máy tính xách tay Dell		1		15.000,000			
T55532025003-60102-8	Máy tính bảng Samsung Galaxy Tab S9		1		23.430,000			
T55532025003-60101-21	Máy tính		1		13.843,095			
T55532001-60101-299	Máy tính để bàn		1		13.000,000			
T55532025003-60101-23	Máy tính đồng bộ CMS X - Media X938- 666TN		1		13.740,000			
T55532022-60301-5	Bộ máy vi tính		1		17.500,000			
T55532025003-60101-25	Máy tính để bàn CMS		1		12.500,000			
T55532025003-60102-30	Máy tính bảng		1		22.550,000			
T55532022-60312-6	Máy scan A3		1		80.000,000			
T55532021-60112-3	Máy Scan HP		1		11.750,000			
T55532025003-60112-31	Máy Scan Brother		1		11.750,000			
T55532025003-60108-32	Bàn ghế xa lông Đồng Ky		1		11.375,000			
T55532001-60108-295	Bàn quay bộ phận một cửa		1		14.960,000			
T55532025003-60107-33	Điều hòa FUNIKI 18TMU.ST3		1		12.982,600			
T55532001-60102-213	Máy vi tính xách tay ASus		1		11.300,000			
T55532021-502-1	Máy tính xách tay Acer- Mã MT05-SNID 75000668776		1		19.800,000			
<b>4.2</b>	<b>Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung</b>		<b>13</b>		<b>426.089,000</b>			
T55532001-6020107-210	Điều hòa Media 02 cục 01 chiều 48000BTU		1		35.659,000			

T55532001-6020216-294	Bộ camera giám sát an ninh		1		119.000,000				
T55532022-6020214-23	Máy tính Kiosk tra cứu thông tin, xếp hàng tự động ComQ		1		83.000,000				
T55532001-6020210-211	Tủ lạnh Inverter		1		13.000,000				
T55532001-6020207-315	Loa kéo điện bass40 MK 1616, công suất 900W -DX - 450A		1		14.500,000				
T55532001-6020207-302	Loa kéo điện bass40 MK 1616, công suất 900W -DX - 450A		1		14.500,000				
T55532001-6020207-307	Loa kéo điện bass40 MK 1616, công suất 900W -DX - 450A		1		14.500,000				
T55532001-6020204-212	Màn hình hiển thị lịch công tác		1		34.900,000				
T55532001-6020204-314	Bộ camera quan sát		1		19.880,000				
T55532001-60108-305	Bàn họp hội trường		1		24.970,000				
T55532001-6020112-309	Máy Scan jet Pro		1		10.180,000				
T55532001-6020201-298	Máy chiếu		1		12.000,000				
T55532001-6020201-209	Máy chiếu ACER- MÃ SỐ: MC-SNID70700097959		1		30.000,000				
<b>4.3</b>	<b>Máy móc, thiết bị chuyên dùng</b>		<b>2</b>		<b>23.350,000</b>				
T55532022-60301-27	Máy tính để bàn Xigmatek XA-20		1		11.550,000				
T55532024-60301-160	Máy tính để bàn Xigmatek i350 200W		1		11.800,000				
<b>6</b>	<b>Tài sản cố định đặc thù</b>		<b>3</b>		<b>4.170.000,000</b>				
T55532001-139403-312	Đình Văn Hán (Di tích cấp tỉnh)		1		2.020.000,000				
T55532001-139403-297	Đình Thịnh Đức (Di tích cấp tỉnh)		1		2.080.000,000				
T55532001-139403-313	Đình Hoà Khê (Di tích cấp tỉnh)		1		70.000,000				
<b>8</b>	<b>Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)</b>		<b>1</b>		<b>35.000,000</b>				
T55532001-1204-292	Phần mềm điện tử cấp xã		1		35.000,000				

